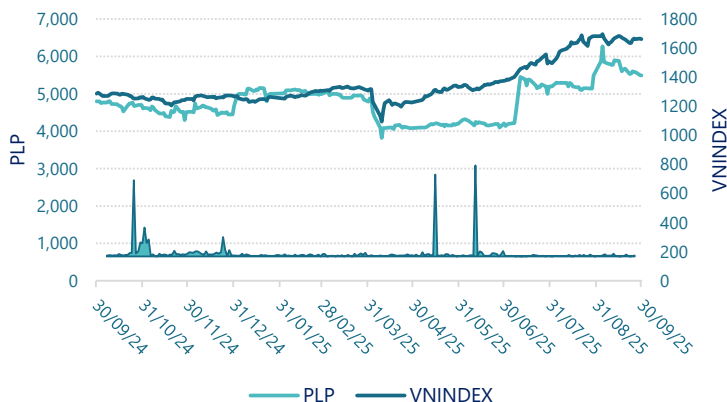




CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (HSX: PLP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,490
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,270
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,820
SL cổ phiếu LH	69,999,847
KLGD BQ 20 phiên (CP)	292,290
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	384
P/E	20.1
EPS	273

DT thuần

Q3/25

693

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 1.3%

YoY: ▲ 176 | 34.0%

LN sau thuế

Q3/25

6.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.69 | 12.9%

YoY: ▲ 5.73 | 1848%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.4%

+/- YoY: ▲ 2.4%

DT thuần

9T 2025

1,937

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 536 | 38.3%

LN sau thuế

9T 2025

17.3

tỷ VNĐ

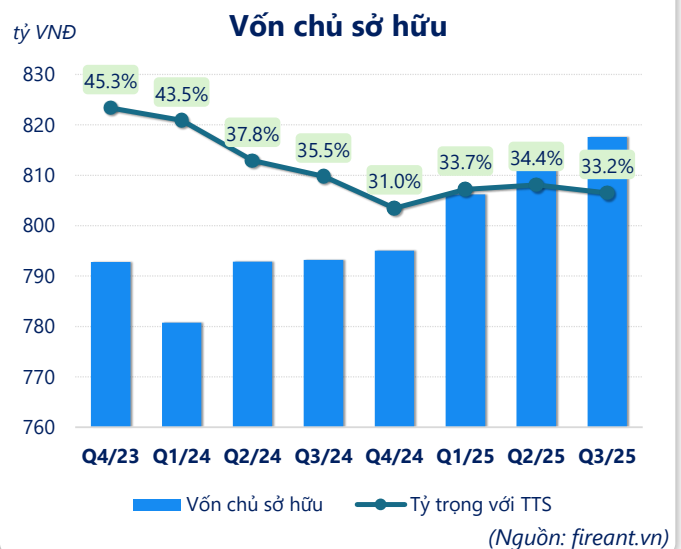
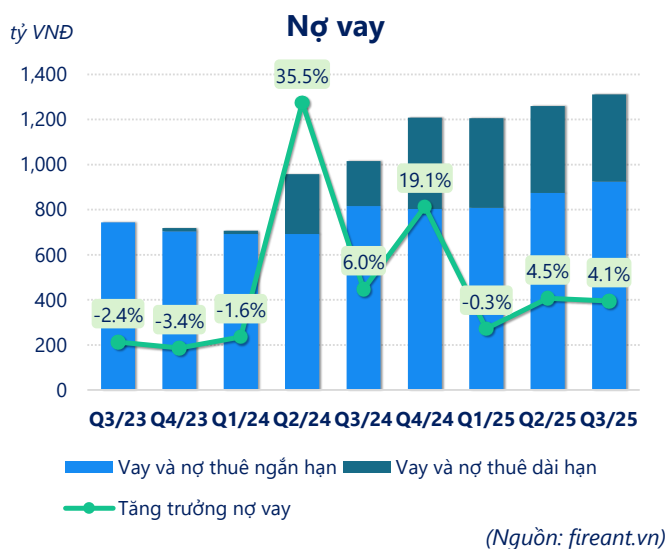
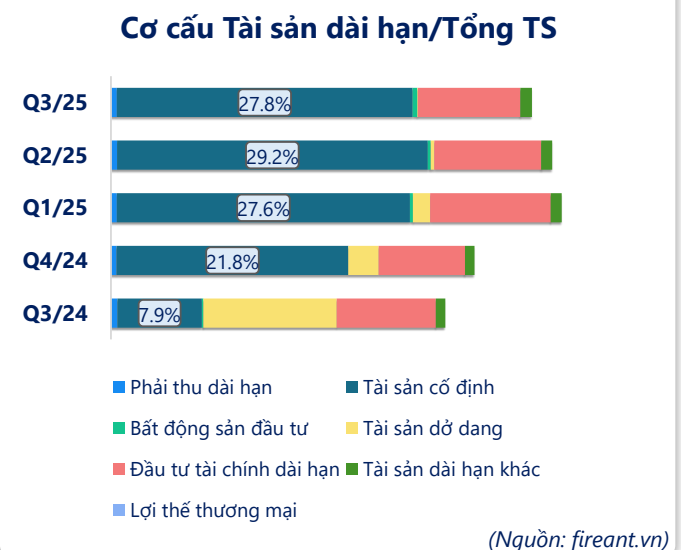
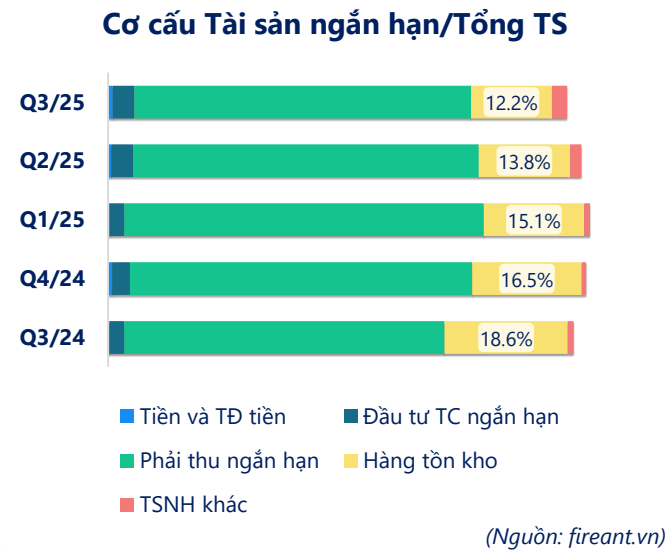
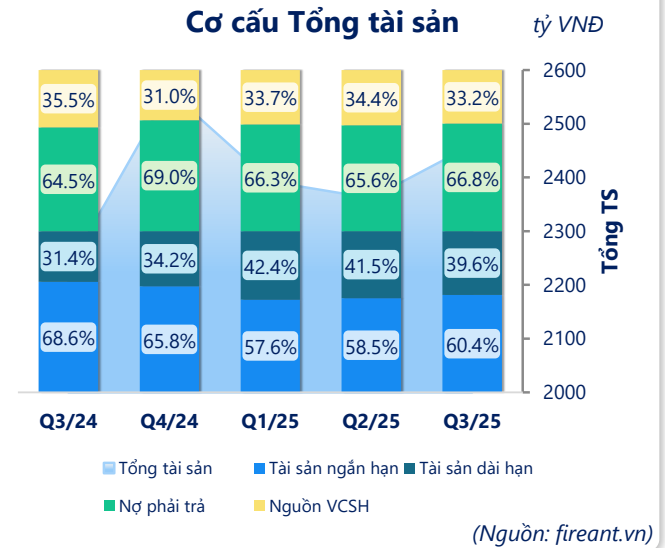
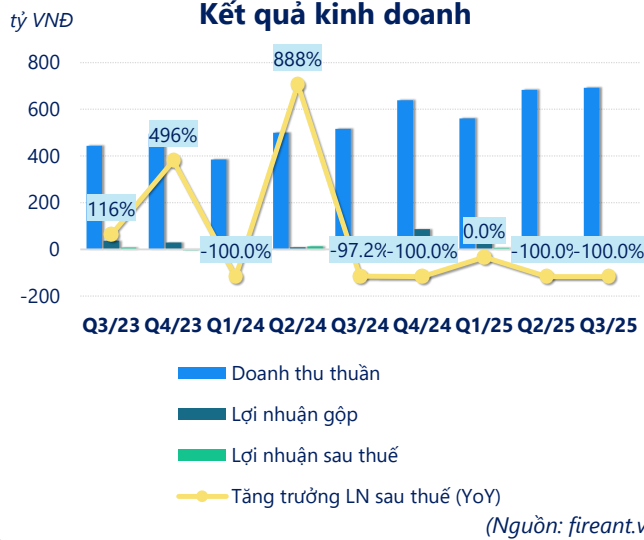
YoY: ▲ 15.6 | 925%

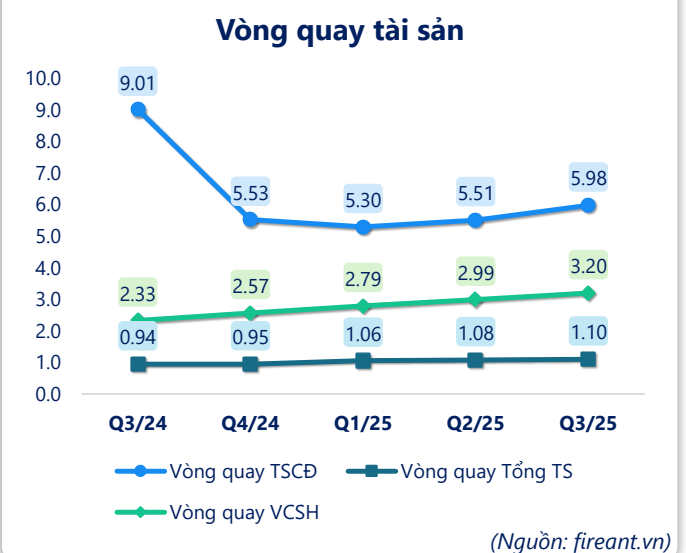
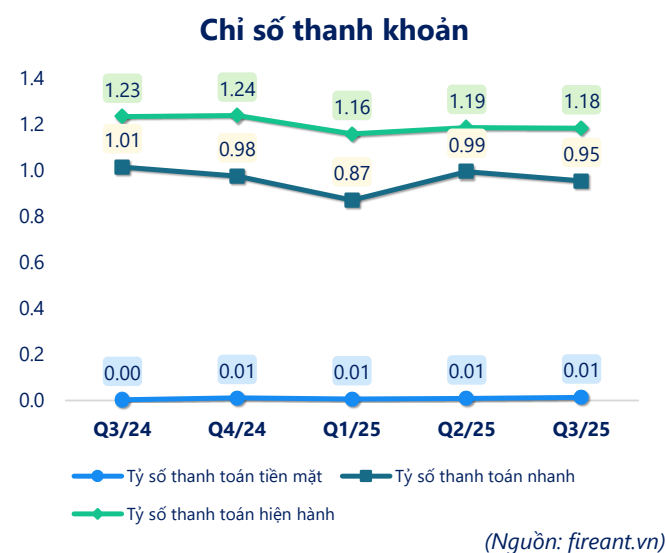
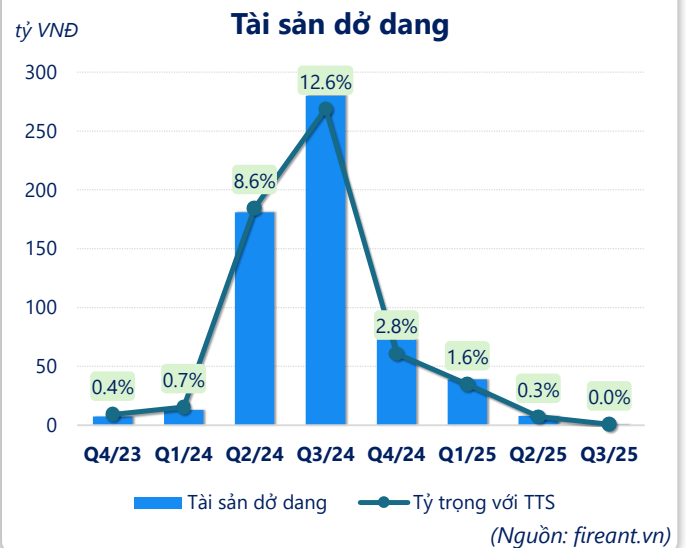
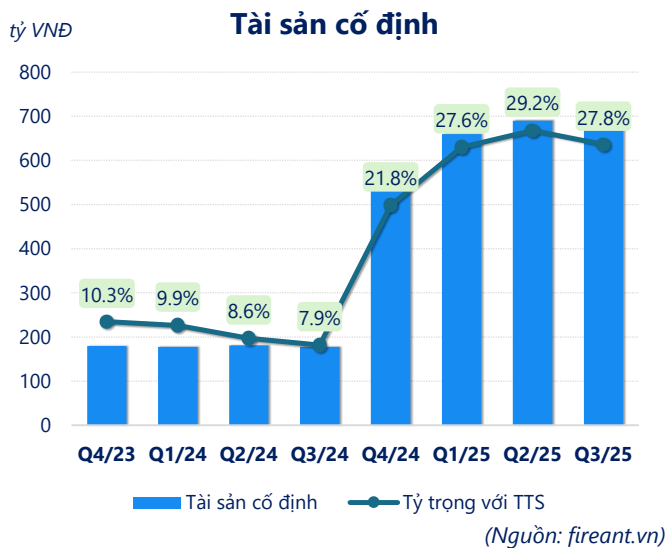
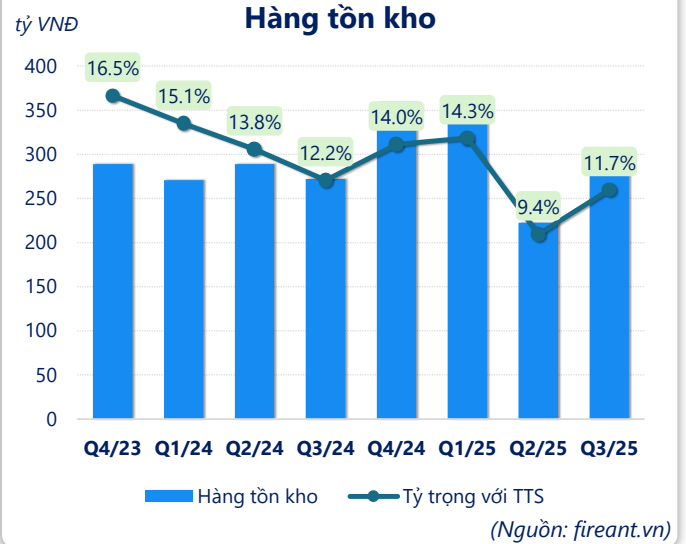
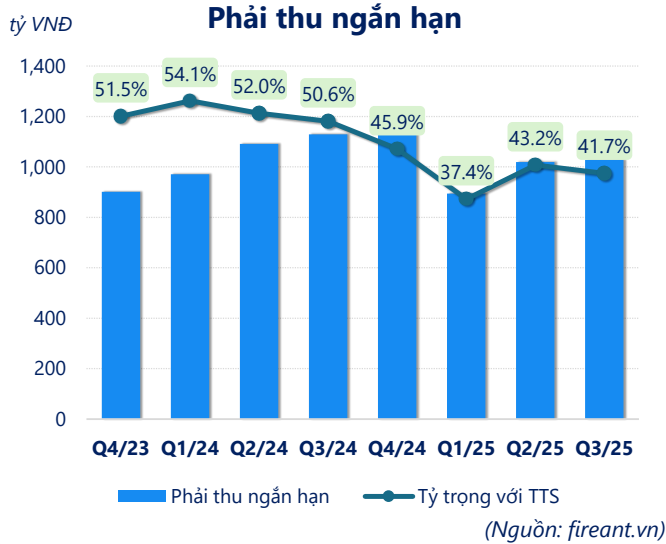
ROE

Q3/25

2.4%

+/- YoY: ▲ 2.6%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,231	2,561	2,392	2,362	2,461
Tài sản ngắn hạn	1,530	1,685	1,378	1,382	1,487
Tiền và tương đương tiền	4.03	15.8	7.34	10.8	17.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.0	76.3	74.3	74.8	114
Phải thu ngắn hạn	1,130	1,175	894	1,019	1,027
Hàng tồn kho	272	359	343	223	288
Tài sản ngắn hạn khác	51.1	59.4	59.3	54.4	40.9
Tài sản dài hạn	702	876	1,014	980	974
Phải thu dài hạn	13.4	13.4	13.4	13.4	13.4
Tài sản cố định	177	558	659	690	685
Bất động sản đầu tư	3.08	0	6.55	6.55	11.0
Tài sản dở dang	280	73.0	39.0	8.02	0.93
Đầu tư tài chính dài hạn	207	207	271	237	237
Tài sản dài hạn khác	20.3	23.4	24.6	24.4	26.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,438	1,766	1,586	1,550	1,643
Nợ ngắn hạn	1,239	1,360	1,189	1,165	1,256
Vay và nợ thuê ngắn hạn	816	803	808	875	924
Phải trả người bán ngắn hạn	148	171	232	144	184
Nợ dài hạn	199	406	397	385	387
Vay và nợ thuê dài hạn	199	406	397	385	387
Nguồn vốn chủ sở hữu	793	795	806	812	818
Vốn chủ sở hữu	793	795	806	812	818
Vốn điều lệ	700	700	700	700	700
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)